

Bản án số: 07/2023/DS-PT

Ngày 18/5/2023

*“ Tranh chấp chậm thực hiện nghĩa
vụ trả tiền ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Tỷ và ông Vũ Văn Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum: Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 03/2023/TLPT-DS ngày 09/02/2023 về việc *“Tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-PT ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Ch, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 268 TrHĐ, thị trấn BS, huyện HN, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn M H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Ia Kh, huyện IG, tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn T; Địa chỉ: Số 63 đường TrKD, phường DT, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khối 9, thị trấn Đk T, huyện Đk T, tỉnh Kon Tum, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị L; địa chỉ: Số 1035 PVĐ, phường YT, thành phố PIK, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Ngày 27/6/2014 ông Nguyễn Thành Ch và ông Vũ Văn T, ký kết Hợp đồng giao khoán nhân công số 2706/HĐKT/GKCP/2014, theo đó ông T giao cho ông Ch thực hiện việc lắp đặt toàn bộ nhôm, kính cửa sổ, cửa đi, vách kính của khách sạn Hoàng Vũ, tại 1035 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau khi hoàn thành khối lượng công việc, các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ. Ngày 28/11/2016 và 04/5/2017, hai bên lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, theo đó ông T còn phải thanh toán cho ông Ch số tiền 541.625.890 đồng.

Do ông T không trả nợ nên ngày 29/8/2019, ông Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán số tiền trên và lãi suất theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã thanh toán cho ông Ch số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 14/5/2020 và rút đơn khởi kiện. Số tiền còn lại 291.625.980 đồng ông Ch đồng ý chờ để thỏa thuận ba bên cùng ông T và bà Bùi Thị L về phương thức trả nợ.

Tuy nhiên, các bên không phối hợp và ông T vẫn không trả số nợ còn lại. Vì vậy, ông Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả số tiền nợ gốc là 291.625.980 đồng và lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 14/5/2020 cho đến khi xét xử xong vụ án. Tại phiên Tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu về tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đồng ý lời khai của nguyên đơn về Hợp đồng giao khoán nhân công nói trên và đối chiếu công nợ theo Biên bản ngày 28/11/2016 và 04/5/2017, xác nhận số tiền 541.625.890. Tuy nhiên, cũng theo nội dung hai Biên bản xác nhận công nợ này thì ông T đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà Bùi Thị L và được ông Ch đồng ý. Do vậy, kể từ khi chuyển giao nghĩa vụ ông T không còn trách nhiệm gì về số tiền nợ trên đối với ông Ch theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự.

Người liên quan bà Bùi Thị L trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ, phúc thẩm đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L vắng mặt.

Với nội dung trên, TAND thành phố Kon Tum căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 144, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 275, Điều 280, Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Ch; đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất.

Buộc ông Vũ Văn T phải trả cho ông Nguyễn Thành Ch số tiền nợ 291.625.890 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

Ngoài ra còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/01/2023, ông Vũ Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn sửa đổi nội dung kháng cáo: Yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo toàn bộ bản án:

[2.1]. Ngày 27/6/2014 ông T, ký kết Hợp đồng giao khoán nhân công số 2706/HĐKT/GKCP/2014, cho Ch thực hiện việc lắp đặt toàn bộ nhôm, kính cửa sổ, cửa đi, vách kính của khách sạn Hoàng Vũ tại 1035 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, do bà Bùi Thị L làm giám đốc. Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 28/11/2016 và ngày 04/5/2017, ông T còn phải thanh toán cho ông Ch số tiền 541.625.890 đồng, ông T đề nghị bà Bùi Thị L, giám đốc khách sạn Hoàng Vũ thanh toán để bù trừ khoản nợ.

[2.2]. Xét lời khai của các bên đương sự

Nguyên đơn ông Ch cho rằng Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 04/5/2017, ông T còn phải thanh toán cho ông Ch số tiền 541.625.890

đồng, ông T đề nghị bà L thanh toán nhưng không có sự tham gia của bà L và Biên bản này chỉ có ông T và ông Ch ký. Do không thanh toán nên năm 2020 ông Ch kiện ông T yêu cầu phải trả số tiền trên. Tại Tòa án thành phố KonTum, ông T trả cho ông số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 14/5/2020 và lập Biên bản thỏa thuận nội dung: “Số tiền còn nợ lại 291.625.890 đồng ông Ch đồng ý chờ để thỏa thuận ba bên giữa ông Ch, ông T và bà L về phương thức trả nợ”, đồng thời ông Ch rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, cho đến nay ba bên vẫn không thỏa thuận gì và cũng không trả tiền nên ông Ch kiện ông T.

Bị đơn cho rằng Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ có nội dung “ông Vũ Văn T đề nghị bà Bùi Thị L thanh toán hết số tiền trên cho ông Nguyễn Thành Ch”, được ông Ch ký xác nhận nên nghĩa vụ trả nợ đã chuyển giao cho bà Bùi Thị L.

[2.3]. Xét chứng cứ do các đương sự cung cấp thấy rằng:

Đối với hai Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ năm 2016 và 2017 có khác nhau về chủ thể và số tiền còn nợ. Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận trả nợ số tiền 250.000.000 đồng, ông T trả cho ông Ch, xác nhận còn nợ lại số tiền 291.625.890 đồng vào ngày 14/5/2020 và nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền này. Vì vậy, xác định Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 04/5/2017 để làm căn cứ xem xét giải quyết.

Xét Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 04/5/2017, có nội dung: Ông T còn phải thanh toán cho ông Ch số tiền 541.625.890 đồng; ông T đề nghị bà Bùi Thị L, giám đốc khách sạn Hoàng Vũ thanh toán để bù trừ khoản nợ; nội dung và số tiền đã được bà L và ông Ch đồng ý. Như vậy, theo nội dung Biên bản này là ba bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ, nhưng chỉ có ông T và ông Ch ký vào biên bản mà bà L không ký. Theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự quy định: Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý. Tuy nhiên, bản chất của việc chuyển giao nghĩa vụ phải có sự đồng ý của ba bên, tại Biên bản này bà L chưa ký là chưa có sự thỏa thuận, thống nhất của ba bên. Vì vậy, việc chuyển giao nghĩa vụ chưa được thực hiện.

Ngày 27/6/2019, Công Ty địa ốc Hoàng Vũ có văn bản gửi ông T, nội dung: Chấp nhận thanh toán số tiền 541.625.890 đồng công nợ còn lại của ông Ch. Tuy nhiên, văn bản này chỉ gửi cho ông T mà chưa được sự đồng ý của bên có quyền ông Ch.

Mặt khác, sau khi ông T không trả khoản nợ 541.625.890 đồng, năm 2020 ông Ch khởi kiện tại Tòa án thành phố KonTum. Ngày 14/5/2020 ông T trả nợ số tiền 250.000.000 đồng, cho ông Ch, lập Biên bản thỏa thuận xác nhận còn nợ lại số tiền 291.625.890 đồng, ông Ch đồng ý chờ thỏa thuận của ba bên về phương án trả nợ, do chị Huỳnh Thị Thúy (kế toán của Công ty TNHH Hoàng

Tùng, ông T là giám đốc) ký và xác nhận số tiền này của ông T trả cho ông Ch. Tuy nhiên, cho đến nay đã hai năm, các bên không cung cấp được chứng cứ chứng M cho việc thỏa thuận nào khác về phương án trả nợ.

Từ những căn cứ trên, xác định ông T còn nợ số tiền 291.625.890 đồng và có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ch. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự: Do kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ các Điều 275, Điều 280, Điều 370 Bộ luật dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Ch.

Buộc ông Vũ Văn T phải trả cho ông Nguyễn Thành Ch số tiền 291.625.890 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, Điều 18, Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Vũ Văn T phải chịu 14.581.294 đồng (*Mười bốn triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, hai trăm chín mươi bốn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001161 ngày 27/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Còn phải nộp tiếp số tiền 14.581.294 đồng (*Mười bốn triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, hai trăm chín mươi bốn đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành Ch số tiền 9.458.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000869 ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- TAND TP Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân